

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 53 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST – HNGĐ ngày 12/3/2018 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST– HNGĐ ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A, tổ B, ấp SQ, xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: A, tổ B, ấp SQ, xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Bà T, ông P có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, bà Trần Thị T trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã CD. Trong quá trình chung sống, ông P không chăm sóc gia đình, thường xuyên bài bạc, uống rượu rồi chửi bới vợ con nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đến tháng 01/2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Đức C, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1996; Nguyễn Đức N, sinh ngày

23/01/2002; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 18/10/2006. Cháu C, K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Ly hôn, bà xin được nuôi 02 cháu N, Tr và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*** Ông Nguyễn Văn P trình bày:**

Ông và bà Trần Thị T kết hôn với nhau năm 1994, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã CD trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng tháng 01/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông nhậu nhẹt về chửi bới mẹ con, ông có đánh bài rồi bán chiếc xe máy để trả nợ. Từ đó, vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên, cuộc sống không còn hạnh phúc. Tuy sống chung trong nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Nay, ông xác định vẫn rất yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Đức C, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1996; Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/01/2002; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 18/10/2006. Cháu C, K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Nếu ly hôn, 02 cháu N, Tr có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông P được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Đức C, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1996; Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/01/2002; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 18/10/2006. Cháu C, K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Đề nghị giao 02 cháu N, Tr cho bà T nuôi dưỡng, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn P hiện đang cư trú tại xã CD, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: bà Trần Thị T khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn P và yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

- Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn P đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn P tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện LT, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo bà T thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P uống rượu về chửi bới vợ con và thường xuyên bài bạc. Ông P cũng thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành cũng đã tiến hành xác minh tại địa P thì được biết vợ chồng ông P bà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Địa P đã đến hòa giải, cho ông P làm bản cam kết.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P là có thật, điều này đều được các đương sự thừa nhận. Mặc dù vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho thời gian 15 ngày để vợ chồng bàn bạc, đoàn tụ nhưng sau 15 ngày, Tòa án triệu tập để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng thì ông P vắng mặt không lý do. Việc ông P cố tình vắng mặt chứng tỏ ông P không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông P là có thật, ông P cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P là phù hợp.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Đức C, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1996; Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/01/2002; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 18/10/2006.

Cháu C, K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Quá trình giải quyết vụ án, qua tham khảo ý kiến thì cháu N, Tr có nguyện vọng được sống với mẹ.

Sau khi ly hôn, bà T muốn được nuôi dưỡng 02 cháu và ông P cũng xác định các cháu muốn sống với ai thì ông cũng đồng ý giao cho người đó nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu N, Tr cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; khoản 1 Điều 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Đức C, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1996; Nguyễn Đức N, sinh ngày 23/01/2002; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 18/10/2006.

Cháu C, K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Giao cháu N, Tr cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: bà T phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 005444 ngày 08/3/2018.

Bà T, ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung